TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 8 – 2023
V/v "ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lâm Thị Nguyện**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đinh Khắc Quỳnh**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Nh**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 2A, hẻm 51/15, đường 47 N, ấp T, xã Đ, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 2A, hẻm 51/15, đường 47 N, ấp T, xã Đ, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Nh trình bày: Bà Nh và ông H chung sống với nhau từ năm 1985, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì ông H đi chạy xe tải rồi có người phụ nữ khác, ông H bắt bà Nh và con gái phải chấp nhận việc ông H có người phụ nữ khác. Ngoài ra ông H còn xúc phạm, chửi bới, khi về nhà bà Nh ngủ trong phòng ngủ thì ông H khóa trái cửa lại không cho ra ngoài được. Ngày 11/8/2022 ông H đuổi bà Nh ra khỏi nhà lúc 12 giờ đêm, bà Nh không mang theo được giấy tờ gì. Hiện nay bà Nh phải đi ở trong Trí Huệ Cung vì ông H đã thay khóa cửa, không cho bà Nh vào nhà.

Bản thân bà Nh cũng không thể sống chung với ông H được vì ông H thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đe dọa. Vì vậy bà Nh làm đơn xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Trần Trung Ph, sinh năm 1995, Trần Hoàng Nh, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung là phần đất có diện tích 239,9m^2 thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03912 cấp ngày 25/11/2015. Trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích ngang 5,4m x 22,7m = 122,58 m^2 và mái che bằng tole phía trước. Giấy đất hiện nay ông H đang giữ, bà Nh yêu cầu chia đôi nhà và đất. Bà Nh có nhu cầu nhận nhà vì bà có nhiều bệnh trong người nên sức khỏe kém, muốn nhận nhà để ổn định cuộc sống. Kết quả đo đạc, định giá của Hội đồng định giá về nhà, đất, mái che là 1.456.709.728 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) bà Nh đồng ý. Bà Nh yêu cầu Tòa án xem xét chia đôi giá trị căn nhà, bà Nh đồng ý trả cho ông H phần giá trị tài sản chung mà ông H được hưởng. Về chiếc xe tải trọng lượng 2,5 tấn mua năm 2020 trước đây bà Nh có yêu cầu chia nhưng do ông H không hợp tác, không để xe để Tòa án định giá được nên bà Nh xin rút yêu cầu về chiếc xe tải, chỉ yêu cầu chia căn nhà.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn H trình bày: Ông H và bà Nh chung sống với nhau năm 1994, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn vì chuyện giáo dục con, ông H đuổi con gái đi thì bà Nh đi theo, sau đó bà Nh về làm đơn xin ly hôn. Bà Nh khởi kiện ly hôn, ông H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Trần Trung Ph, sinh năm 1995, Trần Hoàng Nhi, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được phần tài sản chung gồm:

Phần đất có diện tích 239,9m^2 thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03912 cấp ngày 25/11/2015. Trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích ngang 5,4m x 22,7m = 122,58 m^2 và mái che bằng tole phía trước.

Ông H đồng ý chia tài sản chung, đồng ý giao nhà cho bà Nh sử dụng, bà Nh có nghĩa vụ giao giá trị nhà cho ông H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông H đang giữ, không cầm cố, thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Nh về "ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn". Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc Nh, ông Nguyễn Minh H là vợ chồng

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Giao cho bà Nh được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 239,9m^2 thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03912 cấp ngày 25/11/2015. Trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích ngang 5,4m x 22,7m = 122,58 m^2 và mái che bằng tole phía trước. Bà Nh có nghĩa vụ thanh toán lại ½ giá trị tài sản cho ông H

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản là 01 xe ô tô tải

Về án phí: Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung với bị đơn ông H. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn". Bị đơn ông H cư trú tại ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 36, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về hôn nhân: Bà Nh và ông H chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà Nh, ông H thừa nhận hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Xét thấy bà Nh, ông H sống chung với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, Bà Nh, ông H đồng ý ly hôn do đó cần tuyên bố không công nhận bà Nh, ông H là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Trần Trung Ph, sinh năm 1995, Trần Hoàng Nh, sinh năm 1998, hai cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: qua đo đạc và khảo sát tài sản tranh chấp có kết quả như sau:

Phần đất có diện tích 239,9m^2 thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03912 cấp ngày 25/11/2015, có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8.00m;

Tây giáp hẻm 4m dài 8.00m;

Nam giáp thửa 333 dài 30.00m;

Bắc giáp thửa 267 dài 30.00m.

Trên đất có căn nhà cấp 4, móng bê tông đà kiềng, nền gạch men, cửa đi, cửa số bằng sắt có gắn kính, tường gạch xây sơn "P", cột gạch bê tông, trần tấm prime, kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái diện tole ngang 5,4m x dài 22,7m. Mái che nền bê tông xi măng, gạch cột xây gạch, kèo đòn tay sắt mái tole bao quanh gạch gắn song sắt ngang 2,6m x dài 27,2m.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 22/6/2023 thể hiện Phần đất tranh chấp có giá 130.000.000 đồng/1 mét ngang (4.330.000 đồng/1m^2) x 8 mét = 1.040.000.000 đồng.

Căn nhà cấp 4 có diện tích 122,58m^2 x 3.230.000 đồng/1m^2 x 90% giá trị sử dụng còn lại 364.258.728 đồng.

Mái che 95,02m^2 x 736.000 đồng/m^2 x 75% giá trị sử dụng còn lại = 52.451.000 đồng.

Tổng cộng tài sản có giá trị: 1.456.709.728 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông H đồng ý giao toàn bộ tài sản là phần đất có diện tích 239,9m^2 thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03912 cấp ngày 25/11/2015. Trên đất có căn nhà cấp 4, móng bê tông đà kiềng, nền gạch men, cửa đi, cửa số bằng sắt có gắn kính, tường gạch xây sơn "P", cột gạch bê tông, trần tấm prime, kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái diện tole ngang 5,4m x dài 22,7m. Mái che nền bê tông xi măng, gạch cột xây gạch, kèo đòn tay sắt mái tole bao quanh gạch gắn song sắt ngang 2,6m x dài 27,2m cho bà Nguyễn Thị Ngọc Nh được quyền quản lý, sử dụng. Bà Nh có nghĩa vụ thánh toán lại cho ông H ½ giá trị tài sản là 728.354.864 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà Nh yêu cầu chia tải trọng lượng 2,5 tấn mua năm 2020. Bà Nh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chiếc xe tải nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá hai phần đất là 12.964.000 đồng, Bà Nh đã nộp tạm ứng 12.964.000 đồng, ông H đồng ý giao lại cho bà Nh ½ chi phí đo đạc, định giá 6.482.000 đồng.

[6] Về án phí: Bà Nh phải chịu án phí trên tổng trị giá tài sản được chia 33.134.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng). Ông H phải chịu án phí trên tổng trị giá tài sản được chia 33.134.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng).

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nh, ông H là vợ chồng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về việc chia tài sản là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 33, Điều 34, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc Nh, ông Nguyễn Minh H là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nh được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 239,9m^2 thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Trường Phú, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03912 cấp ngày 25/11/2015, có tứ cận:

Đông giáp đường đất dài 8.00m;

Tây giáp hẻm 4m dài 8.00m;

Nam giáp thửa 333 dài 30.00m;

Bắc giáp thửa 267 dài 30.00m.

Trên đất có căn nhà cấp 4, móng bê tông đà kiềng, nền gạch men, cửa đi, cửa số bằng sắt có gắn kính, tường gạch xây sơn "P", cột gạch bê tông, trần tấm prime, kèo đòn tay gỗ xây dựng, mái diện tole ngang 5,4m x dài 22,7m. Mái che nền bê tông xi măng, gạch cột xây gạch, kèo đòn tay sắt mái tole bao quanh gạch gắn song sắt ngang 2,6m x dài 27,2m. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Ngọc Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của Luật Đất đai.

Bà Nh có nghĩa vụ giao cho ông H 728.354.864 đồng (bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi tư nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu chia các tài sản chung gồm 01 xe ô tô tài trọng lượng 2,5 tấn.

3. Về chi phí tố tụng: Ông H có nghĩa vụ giao lại cho bà Nh 6.482.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản.

4. Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021298 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà Nh đã nộp xong.

Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nh phải chịu 33.134.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021343 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà Nh còn tiếp tục phải nộp 29.384.000 đồng (hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Ông H phải chịu án phí 33.134.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng).

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lâm Thị Nguyện